TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/HNGĐ - ST.
Ngày: 17 - 7 - 2024.
V/v "ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Hồng Điệp.

Ông Nguyễn Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2024/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Trà M, sinh năm 1997; địa chỉ: Ấp T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 15/04/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Trà M trình bày: Bà Lê Thị Trà M và ông Nguyễn Hồng Đ tự nguyện kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 91 ngày 14/11/2022. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 09 năm 2023 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đời sống vợ chồng không hạnh phúc nên ông Đ và bà M sống ly thân từ đó đến cho đến nay, sau khi sống ly thân thì bà M và ông Đ có gặp nhau nhưng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong thời gian chung sống ông Đ và bà M không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

Bà Lê Thị Trà M yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hồng Đ; về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên bà M không yêu cầu gì.

- Đối với bị đơn ông Nguyễn Hồng Đ: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Đ, nhưng ông Đ không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Đ 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên hòa giải nhưng ông Đ vẫn vắng mặt nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được. Bị đơn ông Nguyễn Hồng Đ đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông Nguyễn Hồng Đ chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa xét thấy tình trạng của vợ chồng bà Lê Thị Trà M và ông Nguyễn Hồng Đ đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Trà M; về con chung không có nên bà M không yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét; về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 15/4/2024, nguyên đơn bà Lê Thị Trà M trình bày: Bà và ông Nguyễn Hồng Đ tự nguyện kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 91 ngày 14/11/2022. Bà yêu cầu xin được ly hôn với ông Nguyễn Hồng Đ, về con chung không có nên không yêu cầu gì, về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết "Ly hôn" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Trong vụ án, bị đơn ông Nguyễn Hồng Đ hiện đang cư trú tại Ấp Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn ông Nguyễn Hồng Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Đ.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, Bà và ông Nguyễn Hồng Đ tự nguyện kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 91 ngày 14/11/2022 nên quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông Đ là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình, bà M có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà M, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian chung ông bà luôn xảy ra bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên vợ chồng thường cải vã qua lại, mâu thuẫn kéo dài, từ đó cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, bất hòa nên đã sống ly thân từ tháng 09/2023 cho đến nay và sau khi sống ly thân thì ông Đ và bà M có gặp nhau nhưng không thể hàn gắn tình cảm. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để động viên vợ chồng ông Đ và bà M đoàn tụ với nhau nên ông Đ không đến để hòa giải và tại phiên tòa bà M vẫn kiên quyết ly hôn với ông Đ vì tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, tình trạng của vợ chồng bà M và ông Đ đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu xin ly hôn của bà M là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà M được ly hôn với ông Đ.

[5] Về con chung: Bà Lê Thị Trà M xác định trong thời gian chung sống, Bà M và ông Nguyễn Hồng Đ không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Trà M xác định trong thời gian chung sống Bà M và ông Nguyễn Hồng Đ không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bà Lê Thị Trà M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Hồng Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Lê Thị Trà M.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Trà M được ly hôn với ông Nguyễn Hồng Đ.

1.2. Về con chung: Bà Lê Thị Trà M xác định trong thời gian chung sống, Bà M và ông Nguyễn Hồng Đ không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Trà M xác định trong thời gian chung sống Bà M và ông Nguyễn Hồng Đ không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Trà M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003296 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; như vậy, bà Lê Thị Trà M đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Hồng Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- UBND xã Đ;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Ánh